

Số: 1125/BVĐK-DUOC

Ninh Bình, ngày 21 tháng 7 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các Công ty sản xuất, kinh doanh hoá chất

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình đang có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua hoá chất sử dụng trong 18 tháng tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Bộ phận văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình. (Nếu có các vấn đề cần làm rõ, đề nghị liên hệ Bà Phạm Thúy Ngân, SĐT 0977.242.760 để được giải đáp)
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
Các công ty gửi trực tiếp bản giấy báo giá hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát về địa chỉ sau đây (ghi trên bao bì báo giá):
Bộ phận Văn thư, Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình.
Địa chỉ: Đường Tuệ Tĩnh, phường Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình; Điện thoại: 02293 871 030.

Đồng thời công ty báo giá gửi bản scan và file mềm vào địa chỉ email : **duocbvdknb@gmail.com**

Thời điểm tiếp nhận báo giá được tính là thời điểm nhận báo giá bản giấy hoặc thời điểm nhận bản scan qua email (*thời điểm báo có thư đến*).

Lưu ý: Các công ty gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hoá chất báo giá

- Thời hạn tiếp nhận báo giá:
 - Trong vòng 10 ngày kể từ ngày Thư mời này được đăng tải công khai trên Website của bệnh viện và trang muasamcong.mpi.gov.vn/web/guest
 - Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 210 ngày kể từ ngày phát hành.

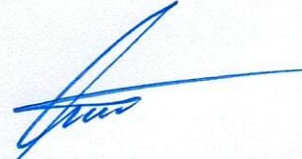
II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Danh mục yêu cầu báo giá và mẫu báo giá (có phụ lục kèm theo). *WS*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để b/c);
- Phòng CTXH (để đăng tải);
- Lưu: VT, Dược.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Tuyên

Phụ lục
DANH SÁCH CÁC MẶT HÀNG YÊU CẦU BÁO GIÁ
(Kèm theo Yêu cầu báo giá số **MA2SVBĐK-DUOC** ngày **21/7/2025** của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình)

STT	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Viên khử khuẩn	Viên khử khuẩn	Viên sủi tan, diệt khuẩn nhanh, phổ tác dụng rộng có tác dụng đối với tất cả các loại vi khuẩn sinh đường, nấm...	viên	12.685,0
2	Môi trường phân lập và phát hiện vi khuẩn gây nhiễm trùng đường tiết niệu	Môi trường phân lập và phát hiện vi khuẩn gây nhiễm trùng đường tiết niệu	Môi trường tạo màu để xác định và định danh sơ bộ tất cả các tác nhân chính gây nhiễm trùng đường tiết niệu (UTI). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	gam	13.650,0
3	Hoá chất dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá AU680				
3.1		Hoá chất định lượng Ferritin	-Dùng để định lượng ferritin trong huyết thanh hoặc huyết tương người. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm sinh hoá AU680	ml	3.940,0
3.2		Hoá chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Ferritin	- Hoá chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Ferritin - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm sinh hoá AU680	ml	117,0
3.3		Hoá chất nội kiểm cho xét nghiệm định lượng Ferritin mức 1	- Hoá chất dùng để nội kiểm cho xét nghiệm định lượng Ferritin mức 1 (hoặc mức bình thường, hoặc mức N/normal) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm sinh hoá AU680	ml	140,0
3.4		Hoá chất nội kiểm cho xét nghiệm định lượng Ferritin mức 2	- Hoá chất dùng để nội kiểm cho xét nghiệm định lượng Ferritin mức 2 (hoặc mức cao, hoặc mức bất thường hoặc mức P/Path) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm sinh hoá AU680	ml	140,0
3.5		Hoá chất định lượng RF	- Dùng để định lượng RF trong huyết thanh hoặc huyết tương người. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm sinh hoá AU680.	ml	2.410,0
3.6		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng RF	- Dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng RF. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. - Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm sinh hoá AU680	ml	117,0
3.7		Hoá chất nội kiểm cho xét nghiệm định lượng RF mức 1	- Hoá chất dùng để nội kiểm cho xét nghiệm định lượng RF mức 1 (hoặc mức bình thường, hoặc mức N/normal) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm sinh hoá AU680	ml	140,0
3.8		Hoá chất nội kiểm cho xét nghiệm định lượng RF mức 2	- Hoá chất dùng để nội kiểm cho xét nghiệm định lượng RF mức 2 (hoặc mức cao, hoặc mức bất thường hoặc mức P/Path) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm sinh hoá AU680	ml	140,0
3.9		Hoá chất định lượng Micro Albumin niệu	- Hoá chất để định lượng Micro albumin niệu (MAU). - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm sinh hoá AU680	ml	2.630,0
3.10		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Micro Albumin niệu	Hoá chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng Micro albumin niệu (MAU) Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm sinh hoá AU680	ml	117,0

STT	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
3.11		Hoá chất nội kiểm cho xét nghiệm định lượng Micro Albumin niệu mức 1	- Hoá chất dùng để nội kiểm cho xét nghiệm định lượng Micro albumin niệu (MAU) mức 1 (hoặc mức bình thường, hoặc mức N/normal) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm sinh hoá AU680	ml	140,0
3.12		Hoá chất nội kiểm cho xét nghiệm định lượng Micro Albumin niệu mức 2	- Hoá chất dùng để nội kiểm cho xét nghiệm định lượng Micro albumin niệu (MAU) mức 2 (hoặc mức cao, hoặc mức bất thường hoặc mức P/Path) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. - Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm sinh hoá AU680	ml	140,0
4	Huyết thanh học nhóm máu				
4.1		Panel hồng cầu sàng lọc kháng thể bất thường	Hồng cầu mẫu được sử dụng để sàng lọc các kháng thể bất thường sử dụng từ các tế bào hồng cầu nhóm O. Xét nghiệm được thực hiện kỹ thuật ống nghiệm hoặc trên máy tự động hoặc bán tự động. - Đóng gói: ≥ 30 mL - Bảo quản : 2 - 8°C - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Hộp	23,0
4.2		Hồng cầu mẫu	Hồng cầu mẫu được sử dụng để xác định nhóm ABO bằng phương pháp hồng cầu mẫu trên kỹ thuật gel card hoặc ống nghiệm. Thành phần tối thiểu: tế bào hồng cầu người thuộc nhóm máu A1, B. - Đóng gói: ≥ 20 mL - Bảo quản : 2 - 8°C - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485	Hộp	46,0
5	Dung dịch làm sạch và khử trùng quả lọc thận nhân tạo	Dung dịch làm sạch và khử trùng quả lọc thận nhân tạo	pH: 1,5 - 3,5 Các thành phần: axit Peracetic: ≥4.5%, Hydrogen peroxide ≥10%. Đạt tiêu chuẩn ISO13485.	Lit	1.170,0
6	Que thử độ cứng của nước	Que thử độ cứng của nước	Dùng để kiểm tra độ cứng của nước trong chạy thận nhân tạo hoặc hệ thống nước RO của bệnh viện. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Test	778,0
7	Que thử hàm lượng Clo tổng dải thấp	Que thử hàm lượng Clo tổng dải thấp	Dùng để phát hiện thuốc tẩy clo tồn dư (natri hypochlorite) trong dung dịch đã được sử dụng để rửa các ống thẩm tách. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Test	1.180,0
8	Hóa chất xylene	Hóa chất xylene	Dùng trong xét nghiệm mô bệnh học Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Lít	234,0
9	Dung dịch xanh methylen	Dung dịch xanh methylen	Dung dịch dạng lỏng thành phần chính là xanh methylen, dùng để nhuộm.	Lít	6,0
10	Dung dịch lugol 3%	Dung dịch lugol 3%	Dung dịch lugol 3%. Thành phần iodine, kali iodua.	Lít	6,0
11	Dung dịch indigo carmine 0.8%	Dung dịch indigo carmine 0.8%	- Dung dịch 0.8% indigo carmine - Quy cách đóng gói: Chai/Lọ ≥ 10ml	ml	100,0
12	Ống môi trường bảo quản chủng vi sinh vật	Ống môi trường bảo quản chủng vi sinh vật	Ống nhỏ chứa các hạt có thể kết dính các vi sinh vật. Các hạt được ngâm trong dung dịch bảo quản rất giàu dinh dưỡng. Mỗi ống ≥ 25 hạt. Đạt tiêu chuẩn ISO13485	ống	651,0
13	Hóa chất dùng cho máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411				
13.1		Hoá chất định lượng T4	Hoá chất định lượng Thyroxine trong huyết thanh hoặc huyết tương người 'Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	32.700,0
13.2		Hoá chất rửa hệ thống	Hoá chất rửa hệ thống. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	54.400,0
13.3		Dung dịch vệ sinh đơn vị điện cực	Dung dịch vệ sinh đơn vị điện cực. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	4.600,0
13.4		Hoá chất định tính kháng thể của người kháng kháng nguyên e của vi rút viêm gan B (Anti-HBe)	Hoá chất dùng để định tính kháng thể của người kháng kháng nguyên e của vi rút viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	4.000,0

STT	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
13.5		Hoá chất định tính kháng nguyên e của vi rút viêm gan B (HBeAg)	Hoá chất định tính kháng nguyên e của vi rút viêm gan B (HBeAg) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	7.100,0
13.6		Hoá chất định lượng insulin	Hoá chất dùng để định lượng insulin trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	2.300,0
13.7		Hoá chất phát hiện định tính kháng thể kháng vi rút viêm gan C (HCV)	Hoá chất dùng để phát hiện định tính kháng thể kháng vi rút viêm gan C (HCV). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411.	test	10.400,0
13.8		Hoá chất định tính kháng thể IgG và IgM kháng kháng nguyên lõi của vi rút viêm gan B (Anti-HBc)	Hoá chất định tính kháng thể IgG và IgM kháng kháng nguyên lõi của vi rút viêm gan B (Anti-HBc) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	800,0
13.9		Hoá chất định lượng ACTH	Hoá chất dùng để định lượng nội tiết tố kích thích vỏ thượng thận (ACTH) trong huyết tương người có chống đông bằng EDTA. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	test	11.900,0
13.10		Hoá chất định tính Anti HBc- IgM.	Hoá chất dùng để định tính Anti HBc- IgM trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	500,0
13.11		Hoá chất định lượng Anti-CCP	Hoá chất dùng để định lượng Anti-CCP trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	400,0
13.12		Hoá chất định lượng Testosterone	Hoá chất dùng để định lượng Testosterone trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	250,0
13.13		Hoá chất định lượng Estradiol	Hoá chất dùng để định lượng Estradiol trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	300,0
13.14		Hoá chất định lượng Prolactin	Hoá chất dùng để định lượng Prolactin trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	300,0
13.15		Hoá chất xét nghiệm định lượng beta HCG	Hoá chất dùng để xét nghiệm định lượng beta HCG trong huyết thanh hoặc huyết tương người Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	700,0
13.16		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng insulin	Dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Insulin Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	35,0
13.17		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T3	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng T3 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	30,0

STT	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
13.18		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Anti-TSHR	Hoá chất dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Anti - TSHR. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	ml	40,0
13.19		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin T siêu nhạy	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng Troponin T siêu nhạy. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	35,0
13.20		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Cortisol	Hoá chất dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng cortisol. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	35,0
13.21		Hoá chất định lượng FSH	Hoá chất dùng để định lượng FSH trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	300,0
13.22		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng AFP	Hoá chất dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng AFP. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	30,0
13.23		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng SCC	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng SCC. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	ml	16,0
13.24		Hoá chất định lượng PTH	Hoá chất định lượng PTH trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	test	900,0
13.25		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PTH	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PTH Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	ml	18,0
13.26		Hoá chất định lượng Calcitonin	Hoá chất định lượng Calcitonin trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485.Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	test	900,0
13.27		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Calcitonin	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Calcitonin Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	ml	18,0
13.28		Hoá chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng Calcitonin, PTH	Hoá chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng Calcitonin, PTH Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	ml	54,0
13.29		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Vitamin B12	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Vitamin B12. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	ml	16,0
13.30		Hoá chất định lượng LH	Hoá chất dùng để định lượng LH trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	300,0
13.31		Hoá chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng Bro BNP	Hoá chất được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng Bro BNP. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy miễn dịch Cobas E411	ml	90,0
13.32		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng ACTH	Hoá chất dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng ACTH. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	ml	30,0

STT	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
13.33		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FSH	Hoá chất dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FSH. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	16,0
13.34		Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Testosterone	Hoá chất dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Testosterone. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	16,0
13.35		Hoá chất định lượng Free PSA	Hoá chất được dùng để định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt tự do trong huyết thanh và huyết tương người Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	1.900,0
13.36		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Anti-TPO	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Anti-TPO .Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	ml	50,0
13.37		Hóa chất chuẩn xét nghiệm định lượng Free PSA	Hoá chất được dùng để dùng để định lượng kháng nguyên đặc hiệu tuyến tiền liệt tự do trong huyết thanh và huyết tương người Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	30,0
13.38		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 15-3	Hoá chất dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA 15-3. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	30,0
13.39		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng FT4	Hoá chất dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng FT4. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	30,0
13.40		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng beta HCG	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng beta HCG. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	30,0
13.41		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 19-9. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	30,0
13.42		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TSH	Hoá chất dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng TSH. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm Miễn Dịch E411	ml	60,0
13.43		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CEA	Hoá chất dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng kháng nguyên ung thư phổi CEA. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	50,0
13.44		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng C-peptide	Hoá chất dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng C-PEPTIDE Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	ml	50,0
13.45		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Folate	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Folate. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	ml	30,0
13.46		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Anti-Tg	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Anti-Tg. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	50,0
13.47		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125	Hoá chất dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng CA 125. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	50,0

STT	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
13.48		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 72-4	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CA 72-4. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	50,0
13.49		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng total PSA	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng PSA. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	50,0
13.50		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng proBNP	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng proBNP. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	50,0
13.51		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TG	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng TG. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	50,0
13.52		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng T4	Hoá chất được dùng để chuẩn xét nghiệm định lượng T4. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	60,0
13.53		Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Cyfra 21-1	Hoá chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Cyfra 21-1. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	ml	50,0
13.54		Hoá chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm định lượng troponin T	Hoá chất được dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch Troponin T. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy miễn dịch Cobas E411	ml	90,0
13.55		Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Prolactin	Hoá chất dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Prolactin. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	40,0
13.56		Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Estradiol	Hoá chất dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng Estradiol. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	40,0
13.57		Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng LH	Hoá chất dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng LH. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	40,0
13.58		Hoá chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm HIV	Hoá chất dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch Elecsys HIV combi PT. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn thích với máy miễn dịch Cobas E411.	ml	140,0
13.59		Hoá chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm ung thư	Hoá chất được dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm nhóm ung thư. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy miễn dịch Cobas E411.	ml	180,0
13.60		Hoá chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm HBsAg	Hoá chất dùng để kiểm tra chất lượng xét nghiệm miễn dịch HBsAg. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	240,0
13.61		Hoá chất định lượng folate	Hoá chất dùng để định lượng folate trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	test	1.000,0
13.62		Hoá chất định lượng vitamin B12	Hoá chất dùng để định lượng vitamin B12 trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	test	1.000,0
13.63		Hoá chất kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch	Hoá chất dùng để kiểm tra chất lượng các xét nghiệm miễn dịch. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	280,0

STT	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
13.64		Hoá chất định lượng C-peptide	Hoá chất xét nghiệm dùng để định lượng C-PEPTIDE trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	test	3.900,0
13.65		Hoá chất pha loãng mẫu dùng cho xét nghiệm miễn dịch	Hoá chất dùng để pha loãng mẫu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	ml	1.500,0
13.66		Hoá chất định lượng kháng thể của người kháng kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B (Anti-HBs)	Hoá chất định lượng kháng thể của người kháng kháng nguyên bề mặt của virus viêm gan B (Anti-HBs) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	700,0
13.67		Hoá chất định lượng SCC	Hoá chất dùng để định lượng SCC trong huyết thanh hoặc huyết tương người Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	test	1.000,0
13.68		Hoá chất định lượng Anti-TPO	Hoá chất dùng để định lượng Anti-TPO trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	test	1.600,0
13.69		Hoá chất định lượng Anti-TSHR	Hoá chất dùng để định lượng tự kháng thể kháng thụ thể TSH trong huyết thanh người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	test	2.700,0
13.70		Hoá chất định lượng Procalcitonin	Hoá chất dùng để định lượng Procalcitonin trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	4.600,0
13.71		Hoá chất định lượng kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg)	Hoá chất định lượng kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	test	1.300,0
13.72		Hoá chất định lượng CA 125	Hoá chất định lượng CA 125 trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	3.200,0
13.73		Hoá chất định lượng Cyfra 21-1	Hoá chất dùng để định lượng Cyfra 21-1 trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	test	2.900,0
13.74		Hoá chất định lượng Anti-Tg	Hoá chất dùng để định lượng Anti-Tg trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	3.500,0
13.75		Hoá chất định lượng PSA toàn phần	Hoá chất dùng để định lượng PSA trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	6.000,0
13.76		Hoá chất định lượng CA 15-3	Hoá chất dùng để định lượng CA 15-3 trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	6.900,0

STT	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
13.77		Hoá chất định lượng CA 72-4	Hoá chất dùng để định lượng CA 72-4 trong huyết thanh hoặc huyết tương người. 'Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	test	6.300,0
13.78		Hoá chất định lượng TG	Hoá chất dùng để định lượng thyroglobulin (TG) trong huyết thanh hoặc huyết tương người. 'Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	test	5.100,0
13.79		Hoá chất định lượng CA 19-9	Hoá chất dùng để định lượng CA 19-9 trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	5.000,0
13.80		Hoá chất định lượng CEA	Hoá chất dùng để định lượng kháng nguyên ung thư phổi trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	12.200,0
13.81		Hoá chất định lượng proBNP	Hoá chất dùng để định lượng ProBNP trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	21.900,0
13.82		Hoá chất định lượng cortisol	Hoá chất dùng để định lượng cortisol trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	23.300,0
13.83		Hoá chất định tính kháng nguyên HIV	Hoá chất dùng để định tính kháng nguyên HIV-1 p24 và kháng thể kháng HIV-1, bao gồm nhóm O, và HIV-2 trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch E411	test	44.900,0
13.84		Hoá chất định lượng AFP	Hoá chất dùng để định lượng AFP trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	22.600,0
13.85		Cốc đựng thuốc thử	Cốc đựng thuốc thử Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411.	cái	20.000,0
13.86		Hoá chất định lượng TSH	Hoá chất dùng để định lượng thyrotropin trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	66.600,0
13.87		Hoá chất định lượng FT4	Hoá chất xét nghiệm dùng để định lượng thyroxine tự do trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	67.000,0
13.88		Hoá chất định lượng T3	Hoá chất dùng để định lượng T3 trong huyết thanh hoặc huyết tương người Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	37.600,0
13.89		Hoá chất dùng để định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg)	Hoá chất dùng để định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411.	test	66.100,0
13.90		Hoá chất định lượng Troponin T siêu nhạy	Hoá chất được dùng để định lượng troponin T tim siêu nhạy trong huyết thanh hoặc huyết tương người. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411	test	71.800,0

STT	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
13.91		Cồng xét nghiệm miễn dịch	Cồng xét nghiệm miễn dịch. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411.	cái	555.500,0
13.92		Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện hoá cho máy miễn dịch	Dung dịch hệ thống dùng để phát tín hiệu điện Hoá cho máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm miễn dịch máy Cobas E411.	ml	1.372.300,0
13.93		Dung dịch hệ thống dùng để rửa bộ phát hiện của máy miễn dịch	Dung dịch hệ thống dùng để rửa bộ phát hiện của máy phân tích xét nghiệm miễn dịch. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411.	ml	1.372.300,0
13.94		Đầu côn xét nghiệm miễn dịch	Đầu côn xét nghiệm miễn dịch. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411.	cái	1.195.200,0
13.95		Thùng chứa rác máy xét nghiệm miễn dịch	Dùng để chứa rác thải là các đầu côn và công đã sử dụng. Dùng tương thích hoàn toàn với máy Xét Nghiệm Miễn Dịch Cobas E411.	Cái	47,0
14	Hóa chất dùng cho máy điện giải đồ ALV 9180				
14.1		Hoá chất rửa và chuẩn các điện cực	Hoá chất rửa và chuẩn các điện cực. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy điện giải đồ ALV 9180	ml	80.400,0
14.2		Dung dịch rửa cho máy phân tích điện giải đồ	Dung dịch rửa cho máy phân tích điện giải đồ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy điện giải đồ ALV 9180	ml	500,0
14.3		Hoá chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm máy điện giải	Hoá chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm máy điện giải Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy điện giải đồ ALV 9180	ml	240,0
14.4		Dung dịch điều hòa, bảo dưỡng điện cực Na+	Dung dịch điều hòa, bảo dưỡng điện cực Na+ Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy điện giải đồ ALV 9180	ml	500,0
15	Hóa chất dùng cho máy Cobas 4800				
15.1		Đầu tip hút mẫu và thuốc thử	Đầu tip hút mẫu và thuốc thử Tiêu chuẩn: ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Cobas 4800	cái	250.322,0
15.2		Hoá chất định tính và định lượng RNA HIV	Hoá chất định tính và định lượng RNA HIV Tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy cobas 4800	test	2.400,0
15.3		Ngăn chứa thuốc thử loại nhỏ	Ngăn chứa thuốc thử để chứa thuốc thử sử dụng cho quá trình chuẩn bị mẫu loại nhỏ Tiêu chuẩn: ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Cobas 4800	cái	1.500,0
15.4		Ngăn chứa thuốc thử loại to	Ngăn chứa thuốc thử để chứa thuốc thử sử dụng cho quá trình chuẩn bị mẫu loại to Tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy cobas 4800	cái	1.000,0
15.5		Hoá chất tách chiết DNA mê lớn	Hoá chất tách chiết DNA mê lớn Tiêu chuẩn: ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Cobas 4800	test	17.800,0
15.6		Hóa chất ly giải tế bào mê lớn	Hoá chất sử dụng để phá vỡ màng tế bào, phá vỡ tế bào, cho phép DNA được phóng thích khỏi tế bào mê lớn Tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy cobas 4800	test	17.800,0
15.7		Hóa chất chuẩn bị mẫu cho xét nghiệm PCR mê lớn	Hoá chất chuẩn bị mẫu mê lớn Tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy cobas 4800	test	17.800,0

STT	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
15.8		Đĩa đựng mẫu	Đĩa đựng mẫu Tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy cobas 4800	cái	500,0
15.9		Đĩa tách chiết	Đĩa tách chiết Tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy cobas 4800	cái	380,0
15.10		Chứng chuẩn xét nghiệm định lượng HBV/HCV/HIV	Chứng chuẩn xét nghiệm định lượng HBV/HCV/HIV Tiêu chuẩn: ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Cobas 4800	bộ	330,0
15.11		Hóa chất tách chiết DNA mê nhỏ	Hoá chất tách chiết DNA mê nhỏ Tiêu chuẩn: ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy Cobas 4800	test	4.000,0
15.12		Hóa chất ly giải tế bào mê nhỏ	Hoá chất sử dụng để phá vỡ màng tế bào, phá vỡ tế bào, cho phép DNA được phóng thích khỏi tế bào mê nhỏ Tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy cobas 4800	test	4.000,0
15.13		Hóa chất chuẩn bị mẫu cho xét nghiệm PCR mê nhỏ	Hoá chất chuẩn bị mẫu mê nhỏ Tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy cobas 4800	test	4.000,0
15.14		Hóa chất định lượng RNA HCV	Hoá chất xét nghiệm định lượng RNA HCV Tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy cobas 4800	test	2.640,0
15.15		Hóa chất định lượng DNA HBV	Hoá chất xét nghiệm định lượng DNA HBV Tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy cobas 4800	test	18.000,0
16	Hóa chất dùng cho máy máy điện giải tự động EX-D				
16.1		Hoá chất nội kiểm cho xét nghiệm điện giải mức 1	- Hoá chất nội kiểm cho xét nghiệm điện giải mức 1 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy máy điện giải tự động EX-D	ml	115,0
16.2		Hoá chất nội kiểm cho xét nghiệm điện giải mức 2	- Hoá chất nội kiểm cho xét nghiệm điện giải mức 2 - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Dùng tương thích hoàn toàn với máy điện giải tự động EX-D	ml	115,0
16.3		Dung dịch rửa cho máy điện giải	Hoá chất rửa cho máy điện giải. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 Dùng tương thích hoàn toàn với máy điện giải tự động EX-D	ml	390,0
16.4		Hoá chất xét nghiệm điện giải 2	Hoá chất xét nghiệm điện giải 2. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy máy điện giải tự động EX-D.	ml	18.000,0
16.5		Hoá chất xét nghiệm điện giải 1	Hoá chất xét nghiệm điện giải 1. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy máy điện giải tự động EX-D.	ml	148.500,0
17	Hóa chất dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động CS 2000i và máy xét nghiệm đông máu CS 1600				
17.1		Dung dịch rửa kim hút cho máy xét nghiệm đông máu có tính kiểm	Dung dịch rửa kim hút cho máy xét nghiệm đông máu có tính kiểm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm đông máu tự động CS 2000i và máy xét nghiệm đông máu CS 1600	ml	8.300,0
17.2		Thuốc thử xác định thời gian đông máu prothrombin (PT)	thuốc thử xác định thời gian đông máu prothrombin (PT) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm đông máu tự động CS 2000i và máy xét nghiệm đông máu CS 1600	ml	14.700,0
17.3		Chất kiểm chuẩn dài bệnh lý cho các xét nghiệm đông máu	Chất kiểm chuẩn dài bệnh lý cho các xét nghiệm đông máu Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm đông máu tự động CS 2000i và máy xét nghiệm đông máu CS 1600	ml	140,0

STT	Tên phần lô	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
17.4		Chất kiểm chuẩn dải bình thường cho các xét nghiệm đông máu	Chất kiểm chuẩn dải bình thường cho các xét nghiệm đông máu Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm đông máu tự động CS 2000i và máy xét nghiệm đông máu CS 1600	ml	180,0
17.5		Hoá chất để xác định thời gian thromboplastin một phần được kích hoạt (APTT)	Hoá chất để xác định thời gian thromboplastin một phần được kích hoạt (APTT) Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm đông máu tự động CS 2000i và máy xét nghiệm đông máu CS 1600	ml	4.340,0
17.6		Thuốc thử xác định nồng độ Fibrinogen trong huyết tương	Thuốc thử xác định nồng độ fibrinogen trong huyết tương Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm đông máu tự động CS 2000i và máy xét nghiệm đông máu CS 1600	ml	4.460,0
17.7		Dung dịch rửa kim hút cho máy xét nghiệm đông máu có tính acid	Dung dịch rửa kim hút cho máy xét nghiệm đông máu có tính acid Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm đông máu tự động CS 2000i và máy xét nghiệm đông máu CS 1600	ml	16.000,0
17.8		Dung dịch CaCl2 dùng cho xét nghiệm đông máu	Dung dịch CaCl2 dùng cho xét nghiệm đông máu Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm đông máu tự động CS 2000i và máy xét nghiệm đông máu CS 1600	ml	4.300,0
17.9		Dung môi pha loãng cho các xét nghiệm đông máu phù hợp cho xét nghiệm đông máu	Dung môi pha loãng cho các xét nghiệm đông máu phù hợp cho xét nghiệm đông máu Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm đông máu tự động CS 2000i và máy xét nghiệm đông máu CS 1600	ml	7.200,0
17.10		Công phản ứng cho máy xét nghiệm đông máu tự động	Công phản ứng phù hợp dùng cho máy xét nghiệm đông máu tự động Đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Dùng tương thích hoàn toàn với máy xét nghiệm đông máu tự động CS 2000i và máy xét nghiệm đông máu CS 1600	cái	323.000,0
18	Hoá chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm đo khí máu	Hoá chất kiểm tra chất lượng xét nghiệm đo khí máu	- Hoá chất được dùng để kiểm tra chất lượng các thông số khí máu gồm 3 mức : thấp, bình thường, cao. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Dùng tương thích hoàn toàn với máy khí máu Gem 3500	ml	1.200,0
Tổng số: 154 mặt hàng/18 phần lô					

Mẫu báo giá
(Kèm theo Yêu cầu báo giá báo giá số 1125/BVĐK-DUOC ngày 21/7/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình)

Công ty...
Địa chỉ...
Điện thoại...
Email...

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Ninh Bình, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh)] thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá các hoá chất như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Mã hàng hoá	Tên hàng hoá	Tên thương mại	Đơn vị tính	Thông số kỹ thuật	Mã hiệu sản phẩm	Mã HS	Năm SX	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VNĐ)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1														
2														
3														
...														
Tổng số: ... mặt hàng														

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hoá chất)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 210 ngày]
3. Chúng tôi cam kết:
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
 - Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
 - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực

....., ngày.....tháng....năm 2025
ĐẠI DIỆN CÔNG TY
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)